

Số: 20 /NQ-HĐND

Bà Rịa, ngày 01 tháng 8 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Thông nhất nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Lai Hưng,
huyện Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa, đến năm 2040**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÀ BÀNG
KHÓA II - KỶ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng quy hoạch đô thị và quy hoạch khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Công văn số 302/UBND-KTN ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa về việc chủ trương lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Bà Rịa và quy hoạch chung xây dựng đô thị Lai Hưng, huyện Bà Rịa;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bà Rịa về thống nhất nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Lai Hưng, huyện Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa đến năm 2040; Báo cáo thẩm tra số 17/BC-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Lai Hưng, huyện Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa đến năm 2040, cụ thể như sau:

1. Tên nhiệm vụ: Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 đô thị Lai Hưng, huyện Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa đến năm 2040.

2. Vị trí, ranh giới lập quy hoạch:

- Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Lai Hưng, huyện Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa.

Phạm vi ranh giới khu vực nghiên cứu được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc: giáp thị trấn Lai Uyên;



- + Phía Nam: giáp phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát;
- + Phía Đông: giáp xã Tân Hưng và phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát;
- + Phía Tây: giáp xã Long Nguyên.
- Diện tích xã Lai Hưng: 4.777,2 ha (theo Niên giám thống kê năm 2017)
- Phạm vi ranh giới phát triển khu vực trung tâm đô thị sẽ được nghiên cứu và lựa chọn trong giai đoạn thực hiện đồ án.

3. Quy mô lập quy hoạch:

a) Quy mô dân số

Dân số dự báo của khu vực quy hoạch qua các giai đoạn là:

- Đến năm 2025: khoảng 17.000-18.000 người;
- Đến năm 2030: khoảng 19.000-20.000 người;
- Đến năm 2040: khoảng 22.000-24.000 người;

b) Quy mô đất dân dụng và đất xây dựng đô thị

- Đất dân dụng:

+ Chỉ tiêu đất dân dụng khoảng : 78 m²/người

+ Đến năm 2025: khoảng 140 ha ;

+ Đến năm 2030: khoảng 156 ha;

+ Đến năm 2040: khoảng 188 ha;

- Đất xây dựng đô thị:

+ Bình quân đất xây dựng đô thị khoảng : 150 m²/người

+ Đến năm 2025: khoảng 270 ha;

+ Đến năm 2030: khoảng 300 ha;

+ Đến năm 2040: khoảng 360 ha;

4. Tính chất:

- Là đô thị thuộc huyện Bàu Bàng định hướng đạt tiêu chí đô thị loại V vào năm 2020.

- Là đô thị cửa ngõ phía nam của huyện Bàu Bàng, thuận lợi kết nối với các tuyến giao thông cấp Quốc gia, cấp Tỉnh, các đô thị và KCN lớn.

- Là đô thị công nghiệp, thương mại dịch vụ kết hợp sản xuất nông nghiệp đô thị được đầu tư xây dựng đồng bộ về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản áp dụng

a) Chỉ tiêu về sử dụng đất dân dụng 61-78 m²/người, trong đó:

- Chỉ tiêu sử dụng đất ở đô thị: 37 - 47m²/người

- Chỉ tiêu đất công trình công cộng: 3 - 4m²/người

- Chỉ tiêu đất cây xanh: 5 - 7m²/người

- Chỉ tiêu đất giao thông: 16 – 20 m²/người

b) Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

TT	Hạng mục	Đơn vị Tính	Năm tính	
			2030	2040
1	Giao thông:			
	Đường chính đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường cấp khu vực)	km/km ²	>=6	>=8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	>=11	>=16
	- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	>=5	>=7
	- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	>=1	>=2
2	Cấp nước:			
	Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	l/người/ngày	80	100
	- Tỷ lệ cấp nước	%	80	95
3	Thoát nước bản, quản lý CTR và nghĩa trang:			
	- Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80	80%
	- Thu gom chất thải rắn			
	+ Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh	(kg/ng- ng)	0,8	1,0
	+ Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	≥ 70	≥85
4	Cấp điện:			
	- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	KWh/ng/năm	400	1.000

6. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu quy hoạch

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội.

- Xác định các tiền đề phát triển đô thị.

- Định hướng phát triển không gian và quy hoạch sử dụng đất đô thị theo từng giai đoạn quy hoạch.

- Thiết kế đô thị

- Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị

+ Định hướng quy hoạch giao thông;

+ Định hướng chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng;

+ Định hướng quy hoạch cấp nước;

+ Định hướng quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị;

+ Định hướng quy hoạch thoát nước bản, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang;

+ Định hướng quy hoạch thông tin liên lạc, công trình ngầm.

- Đánh giá môi trường chiến lược

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện.

- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Bàu Bàng khóa II, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 01 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./. tq

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- TT. HU; TT. HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, phòng ban, khối Đảng, UBMTTQ huyện, Đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. Vh



PHÓ CHỦ TỊCH HĐND HUYỆN
Võ Thị Kim Nghĩa